

Bản án số: **09/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/4/2024

Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Long và Bà Phạm Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S – tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2023/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ C - sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Hiện ở: Phú Tân 1, xã A, huyện U, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn D - sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố T, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn ly hôn nhận gày 12/10/2023, quá trình Tòa giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C trình bày được tóm tắt như sau:**

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Nguyễn D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã S vào năm 2020 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2020.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh D thường xuyên đi nhậu về chửi mắng và đuổi vợ con ra khỏi nhà, làm không đưa tiền, không còn qua lại, chăm sóc gì cho nhau. Do đó, tình cảm giữa chị C và anh D thật sự không còn, không thể nào sống chung với nhau được nên chị C yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn D.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hữu D1, sinh ngày 17/9/2021 (giới tính: Nam) hiện nay đang ở với chị C. Ly hôn, chị C có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 31/01/2024 và tại biên bản ghi lời khai ngày 02/02/2024, Bị đơn anh Nguyễn D trình bày:* Đúng là anh D và chị Nguyễn Thị Mỹ C kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã S vào năm 2020, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2020, trong quá trình chung sống hai vợ chồng đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng, anh còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh D thống nhất có một con chung tên Nguyễn Hữu D1, sinh ngày 17/9/2021 (giới tính: Nam), anh D đồng ý để chị C nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên anh D không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D thống nhất như lời trình bày của chị C là không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ C đối với anh Nguyễn D. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hữu D1, sinh ngày 17/9/2021 (giới tính: Nam) cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: chị C và anh D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc chị C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Mỹ C yêu cầu ly hôn anh Nguyễn D và yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS, bị đơn anh D cư trú tại: thị xã S, tỉnh Phú Yên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã S theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn D có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn D theo khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Nguyễn D tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã S, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2020 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn: Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Mỹ C thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh D thường xuyên đi nhậu về chửi mắng và đuổi vợ, con ra khỏi nhà, làm không đưa tiền để chị C nuôi con, chị C cũng đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, sau đó chị C rút đơn đoàn tụ về sống chung, từ ngày chị C rút đơn về sống chung nhưng vẫn không thể nào sống chung với nhau được nên chị C tiếp tục làm đơn xin ly hôn, anh D cũng thừa nhận là có mâu thuẫn nguyên nhân là do anh hay ăn nhậu và từ ngày Tòa án mời làm việc trong lần ly hôn trước đến nay không còn qua lại chăm sóc gì cho nhau, đồng thời tại đơn xin xét xử vắng mặt anh D trình bày “hiện tại vợ tôi liên tục đưa đơn ra tòa nên tôi viết đơn này xem như tôi đã ký”. Điều đó cho thấy tình cảm giữa chị C và anh D thật sự không còn, không thể nào chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Châu là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[4] Về con chung: Chị C yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hữu D1, sinh ngày 17/9/2021 (giới tính: Nam). Xét thấy hiện tại chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 và cháu D1 dưới 36 tháng tuổi, anh D cũng đồng ý để chị C nuôi dưỡng con chung, nên giao cháu Nguyễn Hữu D1 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Nguyễn D không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Các điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ C đối với anh Nguyễn D.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hữu D1, sinh ngày 17/9/2021 (giới tính: Nam) cho chị Nguyễn Thị Mỹ C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị C đã tạm nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008633 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S. Chị C nộp đủ án phí.

[5] Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã S;
- Chi cục thi hành án Thị xã S;
- UBND phường Đ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

(đã ký)

Nguyễn Minh Hoàng

